TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Bà Trần Thị Thúy

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 và Thông báo thay đổi lịch xét xử và thay đổi Hội thẩm nhân dân số 36 ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị X, nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn L1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn V, nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện A, Hải Phòng vào năm 2005. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh V tại thôn P, xã L, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến

năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2015 đến nay, chị đã đưa các con chung về cư trú cùng mẹ đẻ chị ở thôn L1, xã Đ. Hiện tại chị và anh V sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có ba con chung là Hoàng A, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2005; Hoàng Thị H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 và Hoàng Thị M, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009. Chị đề nghị Tòa án giao các con chung Hoàng Thị H và Hoàng Thị M cho chị nuôi dưỡng; giao con chung Hoàng A cho anh V nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Hoàng Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và thời gian phát sinh mâu thuẫn của anh và chị X theo như chị X đã khai là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có khó khăn về kinh tế, nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại anh và chị X sống ly thân. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị X, các con chung còn nhỏ nên chị X xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và X có ba con chung theo như lời khai chị X đã khai là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2018, anh V đề nghị Tòa án giao ba con chung cho anh nuôi dưỡng, sau đó anh V thay đổi lời khai đề nghị Tòa án giao ba con chung cho chị X nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X; giao con chung Hoàng A, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2005 cho anh V nuôi dưỡng; giao các con chung Hoàng Thị H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 và Hoàng Thị M, sinh ngày 08

tháng 01 năm 2009 cho chị X nuôi dưỡng; không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X và bị đơn anh Hoàng Văn V vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị X và anh Hoàng Văn V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị X và anh Hoàng Văn V kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, Hải Phòng vào năm 2005. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác vợ chồng có khó khăn về kinh tế nên thường xảy ra va chạm. cãi vã, xúc phạm nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị X xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Anh V xác định anh vẫn còn tình cảm với chị X và vì các con chung còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn nhưng anh V cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, việc anh V không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị X và anh Hoàng Văn V có ba con chung là Hoàng A, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2005; Hoàng Thị H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 và Hoàng Thị M, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên sau khi ly hôn là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo để con chung được nuôi dưỡng và phát triển tốt. Hiện tại chị X và anh V đều là lao động tự do nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng các con chung như nhau. Tuy nhiên, các con chung Hoàng Thị H và Hoàng Thị M nhỏ hơn nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, nên giao các con chung Hoàng Thị H và Hoàng Thị M cho chị X nuôi dưỡng; giao con chung Hoàng A cho anh V nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho con chung.

4] *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nguyễn Thị X và anh Hoàng Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị X và anh Hoàng Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Hoàng Văn V.

2. Về con chung: Giao các con chung Hoàng A, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2005 cho anh Hoàng Văn V nuôi dưỡng; giao các con chung Hoàng Thị H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 và Hoàng Thị M, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị X nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 15091 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chị Nguyễn Thị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã L, huyện A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế